

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2021

"Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 28/2021/TLST-HN, ngày 25/01/2021, về việc "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt). Địa chỉ: Khóm H, phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Tạ Thị H. H, sinh năm 1992 (Vắng mặt). Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh T và chị H tự tìm hiểu nhau khoảng một năm thì đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2017 tại UBND phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế tiền bạc trong gia đình, chị H thường xuyên đi chơi với bạn bè không chăm sóc gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê Khánh V, sinh ngày 06/6/2017. Khi ly hôn anh T yêu cầu giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu V đủ tuổi trưởng thành. Hiện nay anh T làm tài xế lái xe taxi, thu nhập bình quân 3.000.000đ đến 5.000.000đ một tháng.

Về tài sản chung: Anh T và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh T và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về thời gian thực hiện cấp dưỡng anh T thực hiện từ tháng 4/2021.

Về phía bị đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày: Về hôn nhân chị H và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2017 tại UBND phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 2-3 năm thì mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình. Nay anh T xin ly hôn chị H đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Lê Khánh V, sinh ngày 06/6/2017. Từ trước nay cháu V sống cùng với chị và cha mẹ ruột của chị, sau khi ly hôn chị H đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu V đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh T và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Quá trình kiểm sát xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T. Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Tạ Thị H. H. Giao cháu Lê Khánh V, sinh ngày 18/4/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Buộc anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 207 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị hợp pháp. Sau khi cưới nhau anh chị cũng có thời gian sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì anh chị không hàn gắn được. Tại Tòa, anh T trình bày hiện anh không còn tình cảm với chị Hạnh nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng. Về phía chị H có lời khai thể hiện tại hồ sơ trình bày chị đồng ý ly hôn với anh T, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê Khánh V, sinh ngày 06/6/2017. Khi ly hôn anh T yêu cầu giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu V đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ 4/2021. Chị H có cũng lời khai đồng ý với yêu cầu này của anh T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh T, giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện từ tháng 4/2021. Anh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung nhưng không lạm dụng quyền này gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị H.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Lê Văn T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T. Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Tạ Thị H. H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh V, sinh ngày 06/6/2017 là con chung của chị H và anh T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2021.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 11/01/2021 theo biên lai thu số No 0005981 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long. Anh T phải nộp thêm 300.000đ mới đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục thi hành án DS TPVL;
- UBND phường B, TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Mỹ Dung